



PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐỊNH HƯỚNG NĂNG LỰC LÀM CƠ SỞ CHO DẠY HỌC PHÁT HUY SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH

DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: dhyen1973@gmail.com

Tóm tắt: Tiếp cận năng lực làm cơ sở cho dạy học phát huy tính sáng tạo của học sinh giúp giáo viên sáng tạo trong thiết kế và triển khai chương trình môn học cho học sinh cụ thể của lớp mình. Qua đó, học sinh có điều kiện thể hiện bản thân, nỗ lực học tập để tiến tới mục tiêu chung của chương trình giáo dục. Bài viết giới thiệu chu trình năm bước của việc phát triển chương trình môn học. Trên cơ sở đó, việc thiết kế cũng như thực thi chương trình môn học xuất phát từ người học, yêu cầu của môn học trong một bối cảnh dạy học cụ thể và tuân thủ các nguyên tắc của chương trình định hướng năng lực.

Từ khóa: Chương trình môn học; định hướng năng lực; dạy học; phát huy sáng tạo; học sinh.

(Nhận bài ngày 08/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 06/9/2017; Duyệt đăng ngày 25/11/2017).

1. Đặt vấn đề

Làm thế nào để phát huy được năng lực (NL) của học sinh (HS), giúp HS sáng tạo ra NL cho mình thông qua tham gia trải nghiệm các tình huống học tập (HT)? Câu trả lời được bắt đầu từ khi phát triển chương trình (CT) môn học của mỗi nhà trường theo định hướng NL và tạo cơ hội để HS được trải nghiệm, sáng tạo. Dựa trên cơ sở CT môn học đó, mỗi giáo viên (GV) sẽ sáng tạo trong thiết kế và triển khai CT môn học cho HS cụ thể của lớp mình, giúp các em có điều kiện thể hiện bản thân, nỗ lực học tập để tiến tới mục tiêu chung của CT giáo dục (GD).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực, chương trình định hướng năng lực

Hiện nay, toàn ngành GD đang nỗ lực thực hiện Nghị quyết 29 của Trung ương về Đổi mới căn bản toàn diện GD Việt Nam, trong đó nội dung cốt lõi là “*chuyển một nền GD từ chủ yếu là truyền thụ kiến thức sang nền GD chủ yếu là rèn luyện phẩm chất, NL người học*”. Tinh thần này đã được thể hiện trong CT GD phổ thông tổng thể, trong đó xác lập mục tiêu của CT là: 6 phẩm chất, 6 NL chung xuyên suốt CT GD từ lớp 1 đến lớp 12 và 8 khối NL chuyên biệt gắn với các bộ môn khoa học.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm NL, song tựu chung lại có thể xem NL là tổng hòa kiến thức, kĩ năng (KN), thái độ, phẩm chất, niềm tin... được thể hiện dưới dạng hành động nhằm giải quyết vấn đề (GQVĐ) thành công trong cuộc sống hoặc có cách ứng xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội trước các tình huống khác nhau. Định nghĩa sau về NL phù hợp với quan điểm này: “*NL là tổ hợp các hoạt động dựa trên sự huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kiến thức khác nhau nhằm giải quyết thành công những vấn đề trong cuộc sống thực*

hoặc có cách ứng xử phù hợp trong các tình huống luôn thay đổi” (Quebec Education Program).

Theo định nghĩa này, người có NL là người biết sử dụng các kiến thức, KN của bản thân, cũng như biết huy động các nguồn kiến thức khác từ GV, bạn bè, sách vở, Internet... để hành động nhằm giải quyết thành công các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hoặc có cách ứng xử phù hợp với từng tình huống cụ thể. Như vậy, NL chỉ có thể được hình thành và phát triển trong hoạt động của từng HS trên cơ sở kiến thức, KN, thái độ, niềm tin, hệ giá trị... của HS đó.

Quan niệm về NL phải được xem là nguyên tắc cần tuân thủ trong quá trình phát triển và thực thi CT GD của cả bậc học cũng như CT một môn học, có thể được cụ thể hoá bằng các nội dung sau:

- *CT GD tổng thể cũng như CT một môn học phải lấy sự học, người học làm gốc, làm điểm xuất phát*

CT phải xem mỗi HS là một cá thể với những tiềm năng, hứng thú, sở trường... riêng. Sứ mạng của GD là tạo mọi điều kiện để mỗi HS phát huy hết tiềm năng của mình, bằng cách mình muốn và có thể. Mỗi người phải tự rèn luyện và phát triển những phẩm chất, NL của riêng mình (đương nhiên cần có sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV, nhà trường, gia đình và xã hội).

- *Kiến thức, KN là cơ sở để hình thành NL và là cơ sở để HS hành động nhằm GQVĐ trong cuộc sống*

Những kiến thức được tiếp thu một cách thụ động không tạo ra NL. Đó chỉ là những kiến thức chưa được kiểm nghiệm trong cuộc sống, không tạo ra được động lực, niềm tin... để HS mạnh dạn vận dụng GQVĐ luôn xuất hiện trong cuộc sống hằng ngày. Như vậy, chỉ những kiến thức do HS tự kiến tạo, thông qua hoạt động, dưới sự tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ của GV mới là những kiến

thức giúp hình thành NL cho người học. Trong quá trình tự kiến tạo kiến thức và KN, HS có thể thành công hoặc thất bại nhưng HS sẽ có những trải nghiệm có ích, giúp hình thành NL một cách bền vững.

- Chỉ học những vấn đề cốt lõi

NL phát triển theo hình xoắn ốc, vừa theo chiều rộng vừa theo chiều cao. NL cần được rèn luyện hằng ngày, lặp đi lặp lại... Do vậy, chỉ nên tập trung vào những NL cốt lõi với số lượng hữu hạn để HS có đủ thời gian và sức lực rèn luyện một cách hiệu quả. Trong quá trình này, NL của HS được phát triển tùy thuộc vào số lượng, khối lượng kiến thức cần huy động và cách xử lý các nguồn kiến thức đó để GQVĐ thành công. Nói cách khác, độ khó của vấn đề, tức là số lượng, khối lượng kiến thức cần huy động, cách xử lý các nguồn kiến thức đó để giải quyết thành công vấn đề sẽ là cách thức rèn luyện NL cho HS và cũng là cách thức đánh giá (ĐG) mức độ NL của từng HS.

- Học tích hợp

Kiến thức tích hợp là cơ sở quan trọng nhất để hình thành NL. Trong thực tiễn cuộc sống, không có vấn đề nào lại có thể được giải quyết thành công chỉ bằng một kiến thức đơn lẻ. Vì vậy, trong phát triển CT cũng như thực thi CT, vấn đề CT tích hợp cũng như dạy học (DH) tích hợp phải được xem là những phương pháp chủ đạo.

- Mở cửa trường học ra xã hội, lấy bối cảnh cuộc sống thực làm bối cảnh DH

NL chỉ có thể được hình thành và phát triển khi kiến thức, KN học trong trường được vận dụng vào bối cảnh sống thực của HS. Chính vì vậy, nhà trường và mỗi GV phải biết khai thác những đặc trưng về kinh tế, văn hoá, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán... của địa phương, giúp HS vận dụng kiến thức, KN vào GQVĐ của địa phương mình. Những vấn đề, tình huống DH được lấy từ chính địa phương là động lực để HS có hứng thú vận dụng kiến thức vào cuộc sống, từ đó hình thành NL.

- Kiểm tra, ĐG là công cụ quan trọng nhất giúp HS hình thành và phát triển NL

Kiểm tra, ĐG trong GD có mục đích quan trọng duy nhất là vì sự tiến bộ của HS trong suốt quá trình HT. Qua kiểm tra, ĐG, con người tiến bộ không ngừng là chức năng nhân văn, quan trọng, đặc trưng nhất của GD mà không một lĩnh vực xã hội nào có được. Công cụ duy nhất để giúp HS tiến bộ không ngừng đó chính là kiểm tra, ĐG. Trong phát triển và nhất là trong thực thi CT môn học theo định hướng NL, việc kiểm tra, ĐG có vai trò quyết định. Cần lưu ý rằng kiểm tra, ĐG trong thực thi CT định hướng NL không nhằm xác định HS đó kém hay giỏi, được mấy điểm mà chỉ ĐG đạt hay chưa đạt và chỉ rõ nguyên nhân, cách khắc phục.

2.2. Khái niệm dạy học phát huy sáng tạo của học sinh

Với cách hiểu về NL, CT định hướng NL và các nguyên tắc cần tuân thủ trong phát triển, thực thi CT của cả bậc học cũng như CT một môn học, cần xác định khái niệm DH phát huy sáng tạo của HS.

Klaus K. Urban - nhà tâm lý học Đức cho rằng sáng tạo phải được xem xét đồng thời dưới cả hai quan điểm nhận thức và nhân cách. Theo đó, sáng tạo là NL quan trọng nhất để mỗi người chuẩn bị cho cuộc sống của mình. NL sáng tạo giúp chúng ta chế ngự được những hoàn cảnh luôn biến đổi.

Trong CT định hướng NL, DH tức là tạo mọi điều kiện để mỗi HS tìm được cách tự rèn luyện những phẩm chất, NL (được quy định trong CT) cho chính bản thân bằng những cách các em mong muốn và có thể thực hiện. Nói cách khác, DH là tạo động lực và điều kiện để mỗi HS phát huy hết tiềm năng vốn có của mình. Như vậy, DH sáng tạo là người dạy phải tạo mọi điều kiện, hướng dẫn, hỗ trợ để mỗi HS với tiềm năng, hứng thú, sở trường riêng,... có thể tiến tới mục tiêu chung của CT một cách hứng thú, phù hợp nhất với bản thân. Trong quá trình đó, HS có điều kiện thể hiện sự sáng tạo của bản thân, phát huy hết tiềm năng vốn có để tiến tới mục tiêu chung.

2.3. Chu trình phát triển chương trình giáo dục định hướng năng lực làm cơ sở cho dạy học phát huy sáng tạo của học sinh (chương trình môn học)

Chu trình phát triển CT môn học gồm các bước sau: Phân tích nhu cầu; Xác định mục tiêu CT môn học; Thiết kế CT môn học; Thực thi CT môn học; ĐG cải tiến CT môn học [1]. Các bước của chu trình phát triển CT môn học được cụ thể hoá như sau:

Bước 1: Phân tích nhu cầu, bao gồm:

Xác định vị trí môn học trong toàn bộ CT bậc học, khối lớp nhằm mục đích:

- Giúp GV và HS xác định vị trí, vai trò của môn học trong việc hình thành những NL chung.

- Giúp GV và HS xác định được vị trí, vai trò của môn học trong việc hình thành những NL chuyên biệt.

- Giúp GV và HS xác định được những môn học, nội dung cụ thể của các môn học đó có thể tích hợp trong quá trình dạy môn học.

Tìm hiểu đối tượng HS nhằm mục đích:

- Xác định kiến thức nền HS cần có để học tốt môn học, dự báo trước những khó khăn và thuận lợi mà các em có thể gặp trong quá trình học môn học. Đây là những nội dung cần kiểm tra trước khi bắt đầu môn học để GV dự báo trước những khó khăn của HS và dự kiến những chiến lược dạy tương ứng: Phụ đạo, bồi dưỡng... với các đối tượng khác nhau.

- Tìm hiểu hứng thú của HS với môn học để có phương pháp tạo động lực cho HS trong quá trình học môn học.

- Tìm hiểu phong cách học môn học của HS. Cách sử dụng các giác quan (thính giác, thị giác, xúc giác...) để tiếp thu thông tin của các em khác nhau. Cách xử lý thông tin để biến thông tin thành tri thức của HS là khác nhau. GV phải tìm hiểu phong cách học của HS để có cách lựa chọn và kết hợp các phương pháp phù hợp với các phong cách học đó, từ đó phát huy được sở trường, khơi dậy hứng thú học môn học của từng em. Trên cơ sở



đó, GV giúp HS sáng tạo ra phong cách học môn học và kiến thức cho riêng mình.

Tìm hiểu bối cảnh DH nhằm mục đích:

- Tìm hiểu đặc điểm về kinh tế xã hội, lịch sử, văn hoá, địa lí, phong tục, tập quán.... của địa phương trường đóng, tìm được những vấn đề có thể tích hợp trong quá trình dạy môn học, giúp HS vận dụng kiến thức môn học vào GQVĐ của địa phương.

- Tìm hiểu những cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ DH môn học hiện có trong trường, tình trạng của các điều kiện đó để có kế hoạch sử dụng, bổ sung... nhằm phục vụ DH tốt.

Như vậy, kết quả của bước *Phân tích nhu cầu* là cơ sở để xác định mục tiêu của CT.

Bước 2: Xác định mục tiêu CT

Vị trí, vai trò của môn học trong cả CT bậc học, đặc điểm của HS khối lớp nói chung và đặc điểm của bối cảnh DH đã được phân tích ở trên là cơ sở để xác định mục tiêu của CT môn học.

Mục tiêu của CT là những phẩm chất, NL (chung và chuyên biệt) mà HS cần và có thể chiếm lĩnh được sau khi học xong môn học, phù hợp với vị trí, mục tiêu của cả CT, đối tượng HS và bối cảnh DH (nhằm đáp ứng yêu cầu của môn học, đặc điểm của người học và bối cảnh DH).

Mục tiêu CT môn học được xác định dưới dạng NL. Mỗi môn học sẽ có những NL cốt lõi. Mỗi NL cốt lõi sẽ bao gồm những NL thành phần; mỗi NL thành phần sẽ cần những kiến thức, KN nhất định làm cơ sở để hình thành NL đó.

Như vậy, mục tiêu của môn học sẽ có cấu trúc như sau: Sau khi học xong môn học, HS phải và có thể có những NL sau: *NL cốt lõi: 1...; 2...; NL thành phần: 1...; 2...; 3...; 4... Về kiến thức: 1. Tìm và giải thích được...; 2. Phân biệt được... Về KN: 1. Phân tích được...; 2. Bình luận được... Về thái độ: 1. Yêu thích môn học, thể hiện được ý thức tìm hiểu, nghiên cứu, vận dụng kiến thức môn học vào cuộc sống; 2. Thể hiện được việc vận dụng kiến thức môn học trong ứng xử, giao tiếp với các đối tượng khác nhau...*

Các mục tiêu khác cần đạt sau khi học xong môn học: (1) Thể hiện được KN GQVĐ một cách sáng tạo, liên quan đến kiến thức môn học; (2) KN hợp tác; (3) KN giao tiếp; (4) KN sử dụng thành tựu công nghệ thông tin vào HT, nghiên cứu môn học.

Bước 3: Thiết kế CT môn học bao gồm các bước nhỏ sau:

Lựa chọn và sắp xếp nội dung CT

Căn cứ những NL, các kiến thức, KN đã được xác định trong mục tiêu CT, người thiết kế CT chỉ lựa chọn những nội dung cần và đủ để giúp người học đạt mục tiêu của CT. Việc sắp xếp các nội dung đó cần tuân thủ những nguyên tắc nhất định.

Lựa chọn các hình thức tổ chức DH

Căn cứ mục tiêu CT, người thiết kế lựa chọn các hình thức tổ chức DH phù hợp. Nguyên tắc chủ đạo của hình thức tổ chức DH theo hướng hình thành phẩm chất, NL người học là DH thông qua hình thức trải nghiệm,

trong đó chú trọng tới việc tổ chức các hoạt động trong những bối cảnh thực để HS tự trải nghiệm, qua đó tự kiến tạo kiến thức, KN làm cơ sở cho việc rèn luyện NL. Hay nói cách khác, trên cơ sở trải nghiệm hoạt động HT do GV tổ chức, HS sáng tạo ra "*kiến thức riêng*" của mình.

Lựa chọn, kết hợp các phương pháp DH

Trên cơ sở mục tiêu CT định hướng NL, các hình thức tổ chức DH, nhất là hình thức DH thông qua trải nghiệm, nhà thiết kế CT giới thiệu các phương pháp khác nhau, các nguyên tắc để lựa chọn và phối hợp phương pháp nhằm giúp HS tự kiến tạo kiến thức, hình thành NL một cách hứng thú và tiết kiệm nhất.

Các nguyên tắc lựa chọn và phối hợp các phương pháp DH có thể là:

- Tương thích với mục tiêu DH và hình thức tổ chức DH. Mỗi loại mục tiêu DH và hình thức tổ chức DH sẽ cần những phương pháp tương ứng.

- Phù hợp với đối tượng HS (đặc điểm tâm sinh lí, phong cách học, phong tục, tập quán...).

- Phù hợp với GV.

- Phù hợp với bối cảnh DH.

Lựa chọn các phương tiện, công nghệ DH, hỗ trợ cho các phương pháp DH

Trong kỉ nguyên công nghệ thông tin, có rất nhiều phương tiện, công nghệ DH có thể lựa chọn hỗ trợ cho các phương pháp DH như đèn chiếu, máy tính, phần mềm Power Point, bảng thông minh...

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, ĐG trong quá trình DH môn học

Kế hoạch kiểm tra, ĐG là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng nhất của CT định hướng NL. Hệ mục tiêu CT được xác lập trong Bước 2 là cơ sở để thiết kế CT và là căn cứ để kiểm tra, ĐG trong suốt quá trình DH môn học. Trong CT định hướng NL, có những hình thức kiểm tra, ĐG sau:

+ ĐG chẩn đoán: ĐG chẩn đoán được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình DH nhằm xác định mức độ nắm vững kiến thức nền cần để học tốt môn học, giúp GV dự báo những khó khăn, thuận lợi của từng HS trong quá trình học môn học. Từ đó, dự kiến các chiến lược DH phù hợp với từng HS hay nhóm HS. Nội dung kiểm tra là những kiến thức đã học những năm trước để học tốt môn học ở năm nay.

+ ĐG quá trình: ĐG quá trình được tiến hành trong suốt quá trình DH. Mục đích là giúp HS nhận biết những tiến bộ cũng như những thiếu sót trong quá trình rèn luyện các NL thành phần được quy định trong mục tiêu CT và có những biện pháp khắc phục.

Những bài kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút nhằm ĐG mức độ kiến thức, KN cần có để hình thành các NL thành phần. Các bài kiểm tra 45 phút, học kì nhằm ĐG mức độ hình thành các NL thành phần của môn học. Các bài kiểm tra này ngoài việc tạo động lực, kích thích HS HT còn là công cụ để GV theo dõi sự tiến bộ của từng HS, giúp các em khắc phục những điểm yếu của bản thân để tiến bộ không ngừng. Trong CT định hướng NL, đây là

hình thức kiểm tra, ĐG quan trọng nhất, giúp HS không ngừng phấn đấu, tự rèn luyện, tự hoàn thiện trong suốt quá trình học môn học. Ngoài ra, còn có những kĩ thuật ĐG khác được tiến hành xen kẽ trong giờ học được dùng như một phương pháp DH.

+ ĐG tổng kết: ĐG tổng kết được tiến hành khi kết thúc môn học, nhằm ĐG mức độ hình thành các NL cốt lõi của CT môn học. Những bài ĐG này thường là các bài ĐG xác thực (authentic assessment) như ĐG bằng dự án, thông qua các sản phẩm thực, qua hồ sơ...

Bước 4: Thực thi kế hoạch DH môn học

Thực thi kế hoạch DH môn học thực chất là thực thi CT nhà trường, tức là đã điều chỉnh CT quốc gia phù hợp nhất với từng lớp HS cụ thể, trong một nhà trường cụ thể, ở một bối cảnh DH cụ thể.

Ở giai đoạn thực thi, việc quan trọng nhất là thiết kế kế hoạch bài học (giáo án). Trong kế hoạch bài học, mục tiêu DH (đã được xác định trong kế hoạch DH môn học) là quan trọng nhất. Mục tiêu DH là những kiến thức, KN, thái độ cần để hình thành những NL thành phần của môn học mà HS phải chiếm lĩnh được sau khi kết thúc mỗi bài học. Các hình thức tổ chức DH, phương pháp, phương tiện DH, các hoạt động trên lớp đều nhằm giúp HS tự kiến tạo những kiến thức, KN này. Kế hoạch bài dạy nhất thiết phải có một hình thức ĐG mức độ chiếm lĩnh mục tiêu DH của HS ở cuối giờ học. Một giáo án tốt là cơ sở để GV dạy tốt. Sau mỗi bài học, GV ghi lại những nhận xét về giờ học, ghi chú những điểm cần thiết, trên cơ sở đó có những điều chỉnh, cải tiến cho giờ học sau.

Bước 5: ĐG cải tiến CT môn học

ĐG cải tiến CT môn học được tiến hành sau khi kết thúc quá trình DH môn học. ĐG cải tiến nhằm mục đích bổ sung những kiến thức mới vào CT, cập nhật học liệu, loại bỏ những nội dung lỗi thời... ĐG cải tiến CT phải chú ý tới tăng cường cơ hội để HS được trải nghiệm, sáng tạo ra kiến thức và cách thức học cho riêng mình.

3. Kết luận

Trên đây là năm bước của chu trình phát triển CT môn học. Các bước nêu trên nếu được tiến hành một cách đầy đủ không những giúp thiết kế được một CT định hướng NL và quan trọng hơn giúp GV triển khai CT đó cho HS cụ thể của lớp mình, giúp các em tự rèn luyện những NL được quy định cho môn học. Việc thiết kế cũng như thực thi CT đều xuất phát từ người học, từ yêu cầu của môn học trong một bối cảnh DH cụ thể và tuân thủ các nguyên tắc của CT định hướng NL.

Đây là cơ sở quan trọng nhất để GV có thể DH phát huy sáng tạo của HS để các em có thể khai thác hết tiềm năng của bản thân, tìm tòi, sáng tạo trong quá trình rèn luyện các phẩm chất, NL được quy định trong CT GD phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đức Chính, (2015), *Phát triển chương trình giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Đức Chính, (2015), *Quản lí chất lượng giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Nguyễn Huy Tú (chủ nhiệm đề tài), *Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học Hiện trạng mức độ tính sáng tạo của sinh viên sư phạm*, B.2005-75-123.

DEVELOPING SUBJECT CURRICULUM TOWARDS COMPETENCY AS A BASIS FOR TEACHING TO PROMOTE STUDENTS' CREATIVITY

DUONG THI HOANG YEN
University of Education - VNU, Hanoi
Email: dhyen1973@gmail.com

Abstract: *Competency-based approach as a basis for teaching to promote students' creativity, that helps teachers be creative in subject design and implementation for specific students in their class. Then, students have opportunities to express themselves, try their best to study towards the common goal of the educational curriculum. This article introduces the five-step process of developing subject curriculum. Based on that, the design and implementation of subject curriculum comes from learners, subject requirements in a specific teaching context and adheres to principles of competency-based curriculum.*

Keywords: *Subject curriculum; subject curriculum approach; teaching; creativity promotion; students.*